TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2018/QĐST - KDTM	*V, ngày 20 tháng 7 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 147; 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Căn cứ vào các Điều 299; 317 của Bộ luật Dân sự. Các Điều 90; 91; 94; 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.
- Căn cứ Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc Hội; căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.
- Căn cứ vào Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 01/2018/TLST - KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Qũy tín dụng nhân dân cơ sở T**.

Địa chỉ: Số nhà 07, đường L, phường V, thành phố N, tỉnh N.

Do ông **Đinh Ngọc V** – Chủ tịch HĐQT làm đại diện.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T** – Trưởng phòng tín dụng

Bị đơn**: Ông Đinh Văn D**, sinh năm 1975 và **bà Bùi Thị P**, sinh năm 1974. Đều có địa chỉ: Phố T, thị trấn M, huyện V, tỉnh N.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tính đến ngày 12/07/2018 ông Đinh Văn D và bà Bùi Thị P nợ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T (sau đây gọi tắt là Qũy tín dụng) số tiền là 2.482.184.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi tư nghìn đồng). Trong đó nợ gốc là 1.860.000.000 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng) và nợ lãi là 622.184.000 đồng (sáu trăm hai mươi hai triệu một trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Về phương án trả nợ.

Ngày 25/12/2018 trả 300.000.000 đồng tiền nợ gốc.
Ngày 25/7/2019 trả 300.000.000 đồng tiền nợ gốc.
Ngày 25/12/2019 trả 300.000.000 đồng tiền nợ gốc.
Ngày 25/7/2020 trả 300.000.000 đồng tiền nợ gốc.
Ngày 25/12/2020 trả hết số nợ gốc còn lại 660.000.000 đồng; toàn bộ tiền lãi là 622.184.000 đồng và lãi phát sinh hàng tháng của số tiền nợ gốc.

Lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn kể từ ngày 12/7/2018 được tính theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số *****/HĐTD ngày 08/10/2015 đã ký giữa các bên.

Quỹ tín dụng tiếp tục quản lý giấy tờ của các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số ****/2015/HĐTD/QTDTĐ ngày 06/10/2015 đã ký với ông Đinh Văn D và bà Bùi Thị P. Sau khi ông D, bà P trả hết các khoản nợ gốc và lãi như trên thì Quỹ tín dụng giải chấp các tài sản đã thế chấp, trả lại các giấy tờ về quyền sở hữu tài sản thế chấp cho ông Đinh Văn D, bà Bùi Thị P. Nếu phía ông Đinh Văn D và bà Bùi Thị P vi phạm nghĩa vụ một trong các kỳ hạn trả nợ nêu trên, thì Quỹ tín dụng có quyền thu giữ tài sản đảm bảo hoặc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số ****/2015/HĐTD/QTDTĐ ngày 06/10/2015 đã ký với ông Đinh Văn D và bà Bùi Thị P để thu hồi toàn bộ số nợ gốc và lãi.

Về án phí: Ông Đinh Văn D và bà Bùi Thị P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 40.821.800 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm đồng).

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở T số tiền 33.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/00001055 ngày 17/5/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

HÀ THIỆN THÀNH